

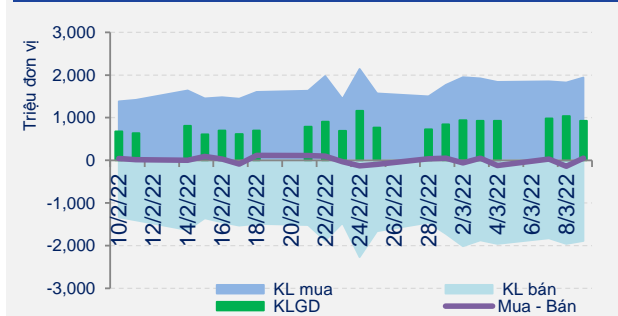
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 9/3/2022

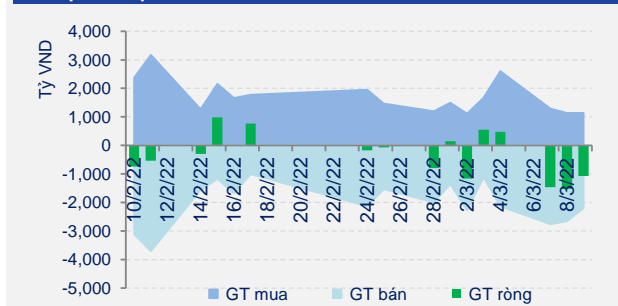
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,473.74	444.60
% Thay đổi	↑ 0.00%	↓ -0.29%
KLGD (CP)	930,300,946	141,578,798
GTGD (tỷ đồng)	30,517.98	4,083.10
Tổng cung (CP)	1,886,659,100	187,787,800
Tổng cầu (CP)	1,938,666,500	179,325,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,491,346	658,164
KL mua (CP)	24,710,170	679,900
GT mua (tỷ đồng)	1,140.42	18.27
GT bán (tỷ đồng)	2,210.07	24.14
GT ròng (tỷ đồng)	(1,069.65)	(5.87)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.49%	21.3	3.6	1.5%
Công nghiệp	↑ 0.60%	23.0	3.2	15.0%
Dầu khí	↑ 3.50%	20.8	2.3	6.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.28%	-	10.8	3.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.17%	16.8	2.6	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.93%	19.1	3.6	10.3%
Ngân hàng	↑ 0.06%	12.0	2.3	11.0%
Nguyên vật liệu	↑ 0.99%	10.8	2.5	23.3%
Tài chính	↓ -0.58%	20.0	3.2	26.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.27%	19.1	3.0	2.5%
VN - Index	↑ 0.00%	16.9	3.1	
HNX - Index	↓ -0.29%	21.5	3.7	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ giảm nhẹ trong phiên đêm qua và thêm một lần nữa, chứng khoán Việt Nam lại thể hiện tốt hơn trong phiên hôm nay khi hồi phục rất nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 0,03 điểm lên 1.473,74 điểm. Độ rộng thị trường vẫn nghiêng về tiêu cực với 209 mã tăng (25 mã tăng trần), 49 mã tham chiếu, 245 mã giảm (4 mã giảm sàn). Thị trường giằng co và rung lắc trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau và kết phiên với mức tăng rất nhẹ. Giá dầu thế giới tiếp tục tăng trong phiên đêm qua và cả hôm nay đã tiếp thêm động lực tăng giá cho nhóm cổ phiếu dầu khí với PVS (+3,7%), PVD (+6%), BSR (+1,4%), PLX (+2,8%), OIL (+3,8%), PVC (+9,9%), PSH (+7%), PVB (+9,9%)... Cổ phiếu hóa chất sau phiên điều chỉnh hôm qua cũng đã quay trở lại với xu hướng tăng giá với DPM (+5,3%), DCM (+5,6%), DGC (+3,8%), DDV (+1,8%), VSC (+5,1%), LAS (+3,3%)... tăng mạnh; BFC (+7%) tăng trần. Nhóm cổ phiếu thép cũng tương đối tích cực với sắc xanh áp đảo như HPG (+0,8%), NKG (+4,3%), HSG (+2,6%), TLH (+1,9%)... Nhóm cổ phiếu cảng và vận tải biển cũng thu hút dòng tiền mạnh và đồng loạt tăng trần như GMD (+6,8%), VOS (+6,9%), VSC (+7%), HAH (+6,9%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thị trường đã dần có sự bình ổn sau phiên hôm nay với việc thị trường giằng co và rung lắc trong phiên nhưng cuối phiên vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ 1.470 điểm tương ứng với vùng đáy từ sau Tết đến nay. Diễn biến thị trường thế giới trong phiên đêm qua cũng chưa có gì đặc biệt đáng chú ý ngoài việc giá dầu vẫn đang trong xu hướng tăng sau lệnh cấm nhập dầu từ Nga của Mỹ. Giá vàng trên thế giới cũng như tại Việt Nam thì đang có sự hạ nhiệt sau giai đoạn tăng nóng trước đó. Nhìn chung, ở thời điểm hiện tại, những yếu tố vĩ mô trên thế giới vẫn sẽ có những tác động đến tâm lý các nhà đầu tư trên thị trường và đây là một biến rất khó có thể đoán định trước được. Tuy nhiên, nếu không có gì tiêu cực diễn ra trong đêm nay thì VN-Index có thể tiếp nối đà hồi phục trong phiên giao dịch tới 10/3. Kháng cự tiếp theo của thị trường trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50) và vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022). Nhà đầu tư ngắn hạn hiện đang có các cổ phiếu duy trì xu hướng tăng giá vẫn có thể tiếp tục nắm giữ. Nhà đầu tư trung hạn nên tiếp tục quan sát thị trường và cân nhắc mua thêm nếu như thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

9/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch giằng co và rung lắc trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.482,86 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.462,8 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 0,03 điểm lên 1.473,74 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 1.500 đồng, GAS tăng 1.500 đồng, PLX tăng 1.700 đồng. Ở chiều ngược lại, BID giảm 1.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 448,37 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán giá tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 437,97 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,29 điểm (-0,29%) xuống 444,6 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: BAB giảm 300 đồng, SCG giảm 2.900 đồng, SHS giảm 700 đồng. Ở chiều ngược lại, PVS tăng 1.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.069,65 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 22,8 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 152 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 102 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NKG là mã được mua ròng nhiều nhất với 53,3 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 5,8 đồng. THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11 tỷ đồng tương ứng với 64,4 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SCI với 2,8 tỷ đồng tương ứng với 99,1 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TNG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3 tỷ đồng tương ứng với 89,4 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng giá hiện tại.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng rất nhẹ này thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà chỉ số này vẫn kết phiên dưới vùng kháng cự trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50). Và ngưỡng hỗ trợ quanh 1.470 điểm tương ứng với vùng đáy của thị trường từ sau Tết đến nay vẫn giữ được nên khả năng để hồi phục là vẫn có thể xảy ra.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 10/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục với vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.490-1.495 điểm (MA20-50).

Tuy nhiên, nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022).

TIN KINH TẾ VĨ MÔ



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 68 - 70,6 triệu đồng/lượng, giảm 2.000.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 1.400.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 9/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.172 VND/USD, tăng 1 đồng so với hôm qua.

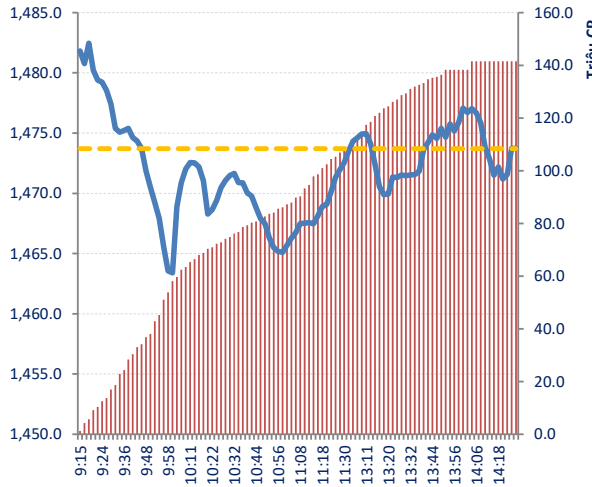
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 0,3 USD/ounce tương ứng với 0,01% lên 2.043,6 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,325 điểm tương ứng 0,33% xuống 98,755 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0947 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3137 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,82 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,13 USD/thùng tương ứng với 0,91% lên 124,83 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/3, Dow Jones giảm 184,74 điểm tương đương 0,56% xuống 32.632,64 điểm. Nasdaq giảm 35,41 điểm tương đương 0,28% xuống 12.795,55 điểm. Nasdaq Composite giảm 30,39 điểm tương đương 0,72% xuống 4.170,7 điểm.

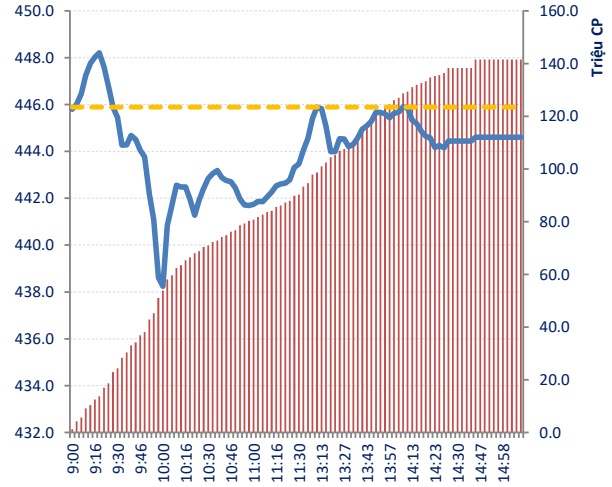


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

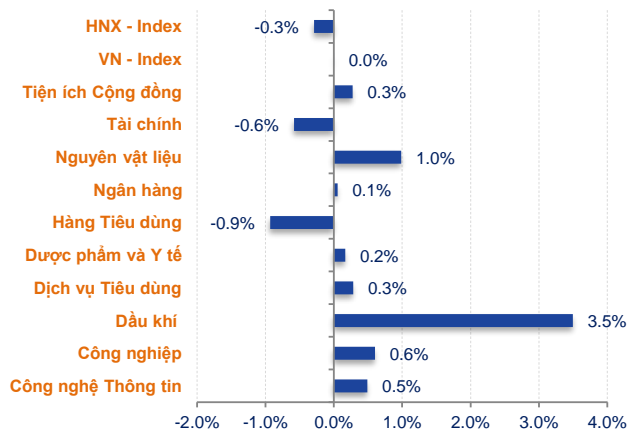
KLGD và VN-Index trong phiên



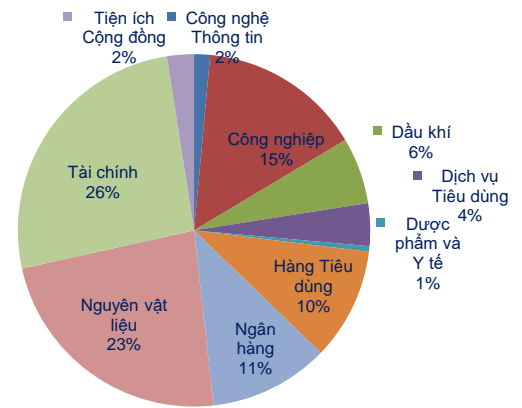
KLGD và HNX-Index trong phiên



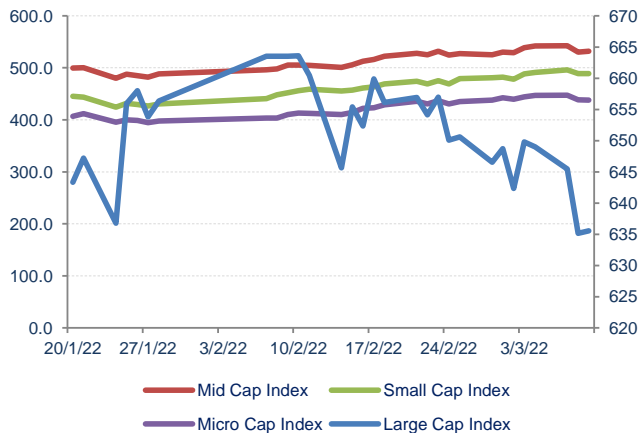
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



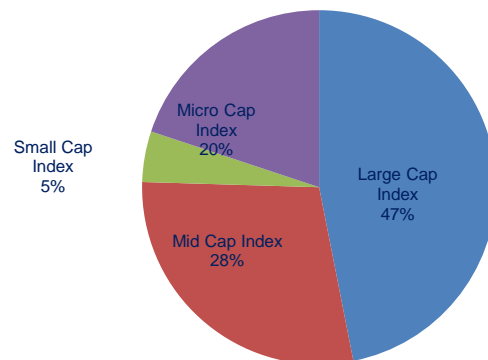
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NKG	1,057,900	HPG	3,050,700
2	VND	607,300	POW	1,755,900
3	DPM	216,600	VNM	1,349,080
4	STB	185,100	HDB	1,309,400
5	PNJ	138,950	VHM	1,176,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVG	134,000	SCI	99,100
2	TNG	89,400	TC6	80,000
3	LUT	84,100	THD	64,400
4	PVS	47,200	KLF	64,300
5	PVI	30,500	THT	61,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	49.45	49.85	↑ 0.81%	36,395,200
HAG	11.70	11.95	↑ 2.14%	33,982,200
MBB	31.00	30.75	↓ -0.81%	24,181,200
TSC	22.60	21.05	↓ -6.86%	21,868,300
GEX	39.00	40.00	↑ 2.56%	21,111,600

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	38.00	39.40	↑ 3.68%	19,313,604
KLF	6.60	6.50	↓ -1.52%	6,285,362
CEO	64.50	65.10	↑ 0.93%	5,986,082
SHS	43.20	42.50	↓ -1.62%	5,804,049
TNG	33.80	33.00	↓ -2.37%	5,118,337

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSH	27.15	29.05	1.90	↑ 7.00%
PDN	102.90	110.10	7.20	↑ 7.00%
HAX	33.60	35.95	2.35	↑ 6.99%
BFC	36.50	39.05	2.55	↑ 6.99%
PC1	42.30	45.25	2.95	↑ 6.97%

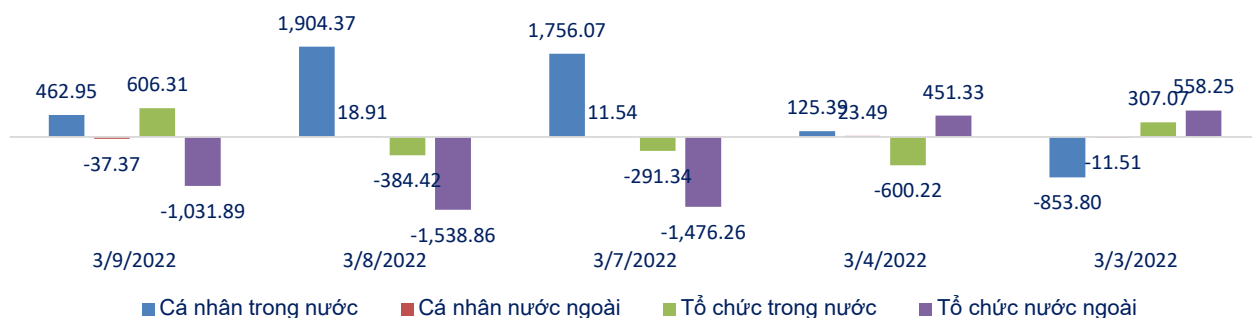
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	17.00	18.70	1.70	↑ 10.00%
VE3	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%
TDN	21.10	23.20	2.10	↑ 9.95%
NFC	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%
PTS	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HRC	56.00	52.10	-3.90	↓ -6.96%
TAC	76.30	71.00	-5.30	↓ -6.95%
PTC	76.40	71.10	-5.30	↓ -6.94%
VCF	250.00	232.70	-17.30	↓ -6.92%
TSC	22.60	21.05	-1.55	↓ -6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VGP	30.80	27.80	-3.00	↓ -9.74%
DPC	25.00	22.60	-2.40	↓ -9.60%
L40	37.90	34.30	-3.60	↓ -9.50%
KTT	13.60	12.40	-1.20	↓ -8.82%
SGH	40.00	37.10	-2.90	↓ -7.25%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	179.70	45.9%	13,959	13.0	6.1
MSB	109.89	20.7%	2,668	9.4	1.7
DAG	83.89	1.3%	144	88.7	1.1
GEX	59.67	7.3%	1,490	26.2	1.6
VNM	58.11	30.3%	5,042	15.1	4.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-101.63	17.0%	2,662	13.9	1.9
VND	-89.14	34.9%	7,476	10.0	3.8
APH	-85.68	1.1%	224	117.0	1.1
MBB	-59.56	22.6%	3,361	9.2	1.9
TCB	-42.87	21.5%	5,144	9.5	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	7.25	34.9%	7,476	10.0	3.8
VNM	2.09	30.3%	5,042	15.1	4.4
VHM	1.98	35.3%	9,036	8.3	2.5
VIC	1.70	-1.9%	(717)	-	1.9
HPG	1.67	46.0%	7,708	6.4	2.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	-32.89	0.1%	46	826.2	1.1
NLG	-4.87	10.5%	3,155	17.0	1.5
NKG	-3.16	50.0%	10,421	4.7	1.9
VTO	-2.97	11.5%	1,638	8.6	1.1
STB	-2.68	10.8%	1,855	16.6	1.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	155.37	46.0%	7,708	6.4	2.4
VPB	112.67	17.0%	2,662	13.9	1.9
APH	86.72	1.1%	224	117.0	1.1
MBB	61.11	22.6%	3,361	9.2	1.9
VIC	58.32	-1.9%	(717)	-	1.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-137.97	45.9%	13,959	13.0	6.1
MSB	-109.85	20.7%	2,668	9.4	1.7
DAG	-83.74	1.3%	144	88.7	1.1
DXG	-42.13	10.3%	1,942	20.6	1.8
PNJ	-35.64	18.3%	4,543	23.3	4.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	56.51	50.0%	10,421	4.7	1.9
VND	38.01	34.9%	7,476	10.0	3.8
PVD	27.53	0.1%	46	826.2	1.1
PNJ	15.33	18.3%	4,543	23.3	4.0
DPM	14.21	32.9%	7,964	7.8	2.3

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-153.63	46.0%	7,708	6.4	2.4
VNM	-104.04	30.3%	5,042	15.1	4.4
VHM	-89.19	35.3%	9,036	8.3	2.5
MSN	-82.60	25.4%	7,269	21.8	4.4
GAS	-65.81	17.1%	4,531	26.6	4.4



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	36,395,200	46.0%	7,708	6.4	2.4
HAG	33,982,200	3250.0%	199	58.9	2.3
MBB	24,181,200	22.6%	3,361	9.2	1.9
TSC	21,868,300	6.0%	778	29.1	1.7
GEX	21,111,600	7.3%	1,490	26.2	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,313,604	4.7%	1,260	30.2	1.5
KLF	6,285,362	0.4%	40	163.4	0.6
CEO	5,986,082	2.7%	362	178.2	4.7
SHS	5,804,049	30.1%	5,707	7.6	2.2
TNG	5,118,337	17.8%	2,725	12.4	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	↑ 7.0%	18.5%	2,524	10.8	1.9
PDN	↑ 7.0%	23.4%	8,681	11.9	2.7
HAX	↑ 7.0%	25.7%	3,331	10.1	2.8
BFC	↑ 7.0%	17.1%	3,843	9.5	1.5
PC1	↑ 7.0%	12.5%	3,002	14.1	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	↑ 10.0%	12.3%	1,663	10.2	1.3
VE3	↑ 10.0%	7.0%	967	12.4	0.9
TDN	↑ 10.0%	11.5%	1,543	13.7	1.6
NFC	↑ 9.9%	7.4%	864	18.6	1.4
PTS	↑ 9.9%	12.0%	2,052	7.4	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NKG	1,057,900	50.0%	10,421	4.7	1.9
VND	607,300	34.9%	7,476	10.0	3.8
DPM	216,600	32.9%	7,964	7.8	2.3
STB	185,100	10.8%	1,855	16.6	1.7
PNJ	138,950	18.3%	4,543	23.3	4.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVG	134,000	2.8%	379	46.1	1.3
TNG	89,400	17.8%	2,725	12.4	2.0
LUT	84,100	0.6%	72	149.3	0.9
PVS	47,200	4.7%	1,260	30.2	1.5
PVI	30,500	11.2%	3,722	13.2	1.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	385,700	21.3%	4,629	17.6	3.5
VHM	324,836	35.3%	9,036	8.3	2.5
VIC	297,106	-1.9%	(717)	-	1.9
GAS	231,014	17.1%	4,531	26.6	4.4
HPG	221,186	46.0%	7,708	6.4	2.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,920	21.8%	2,805	61.0	9.5
KSF	32,160	9.1%	1,387	77.3	5.4
IDC	22,200	9.6%	1,508	49.1	4.7
PVS	18,163	4.7%	1,260	30.2	1.5
NVB	16,983	0.0%	3	9,316.4	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KHP	3.62	7.2%	836	20.0	1.4
DRH	3.20	1.6%	232	102.4	1.7
FTS	3.00	32.6%	5,774	9.7	3.0
BSI	3.00	22.2%	2,936	13.7	3.0
LDG	2.95	4.4%	587	33.5	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.47	7.0%	343	38.2	2.6
CEO	2.90	2.7%	362	178.2	4.7
ART	2.73	3.0%	350	31.8	1.0
L18	2.66	6.7%	877	67.8	4.2
VC7	2.59	2.6%	354	66.4	2.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn